TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2714**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Cửu Long

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/6/2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 2631/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2913/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3819/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1993.

Thường trú: Thôn C, xã D, huyện D, Quảng Nam.

Địa chỉ cư trú: Số D T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Như V, sinh năm 1991

Thường trú: Thôn K, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ cư trú: Số A V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) đề ngày 02/10/2023, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên

bản không tiến hành hòa giải được, bà Nguyễn Thị Hoàng M là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông ông Trần Như V lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2021 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 19/4/2021 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Sau 2 tháng sống chung thì ông V ngoại tình, tôi đã cố gắng bỏ qua nhưng ông V vẫn duy trì mối quan hệ với người con gái khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Như V để tôi ổn định cuộc sống lo cho con cái.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng M và ông Trần Như V có 02 (hai) con chung tên Trần Cát T, giới tính nữ, sinh ngày 08/01/2021 và Trần bá D, giới tính nam, sinh ngày 23/10/2022. Bà Nguyễn Thị Hoàng M yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

- Bị đơn là ông Trần Như V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng M có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Như V vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà M được ly hôn với ông V và giao 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do bà M không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông V thực tế có cư ngụ tại địa chỉ số A V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 19/4/2021 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà M và ông V là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; bà M có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà M.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà M có yêu cầu ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà M trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông V có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không hạnh phúc, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông V có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng đổ vỡ. Hai ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Tại Bản tự khai đề ngày 25/01/2024, bà M trình bày sau khi kết hôn hai vợ chồng ông bà sống ở căn hộ CT1 (10.03) chung cư S, số F- F Đường số A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, không đăng ký tạm trú) cho đến khi ly thân. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận không rõ về mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà M, ông V.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông V không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa, chứng tỏ ông Vũ T1 thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà M và ông V không hạnh phúc, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3.2] Về con chung: Bà M và ông V có 02 con chung là Trần Cát T, giới tính nữ, sinh ngày 08/01/2021 và Trần bá D, giới tính nam, sinh ngày 23/10/2022. Bà Nguyễn Thị Hoàng M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông V không có yêu cầu được nuôi dưỡng con trẻ trong quá trình giải quyết vụ án. Trẻ Trần Cát T và Trần Bá D hiện đang được bà M trực tiếp nuôi dưỡng, hai bé tuổi còn rất nhỏ (tại thời điểm khởi kiện cả hai đều chưa đủ 36 tháng tuổi) nên cần thiết có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, việc giao hai con chung nêu trên cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và đảm bảo sự phát triển ổn định của các trẻ về thể chất cũng như tinh thần, tính cách, nhân cách của các trẻ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có, ông V vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hoàng M:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng M được ly hôn với ông Trần Như V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 19/4/2021 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Như V và bà Nguyễn Thị Hoàng M hết giá trị pháp lý từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Cát T, giới tính nữ, sinh ngày 08/01/2021 và Trần bá D, giới tính nam, sinh ngày 23/10/2022 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; bà M không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà M và gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai nhận không có. Trường hợp ông V có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác;

2. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Hoàng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà bà M đã nộp theo biên lai số 0005488 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Biên lai thu trên dịch vụ công số 743910 ngày 26/10/2023). Bà M không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương